

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 10 /2022 CV/VCS-QHCD
Viv: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh
doanh hợp nhất Quý IV năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất Quý IV năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 chi tiết như sau:

Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý IV.2021	Quý IV.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,863,746,235,539	1,659,531,831,930	204,214,403,609	12.3
11	Giá vốn hàng bán	1,208,694,998,165	1,043,415,991,196	165,279,006,969	15.8
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	655,051,237,374	616,115,840,734	38,935,396,640	6.3
21	Doanh thu tài chính	26,503,091,014	17,133,350,659	9,369,740,355	54.7
22	Chi phí tài chính	19,923,255,148	17,620,174,901	2,303,080,247	13.1
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	13,251,721,816	17,438,424,508	(4,186,702,692)	(24.0)
25	Chi phí bán hàng	83,579,470,092	54,478,540,254	29,100,929,838	53.4
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,198,089,144	18,123,745,989	(2,925,656,845)	(16.1)
31	Thu nhập khác	163,981,937	365,533,959	(201,552,022)	(55.1)
32	Chi phí khác	7,349,229,969	3,449,988,261	3,899,241,708	113.0
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	555,668,265,972	539,942,275,947	15,725,990,025	2.9
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	87,966,951,130	73,756,751,561	14,210,199,569	19.3
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30,773,016	1,407,510,249	(1,376,737,233)	(97.8)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	467,670,541,826	464,778,014,137	2,892,527,689	0.6



I. Chi tiết và nguyên nhân các chỉ tiêu biến động

Quý IV.2021, các doanh nghiệp trong nước không còn bị ảnh hưởng nhiều bởi việc phong tỏa, giãn cách nghiêm ngặt do Covid-19. Tuy nhiên, Đại dịch vẫn khiến cho việc vận tải hàng hóa toàn cầu gặp nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó Công ty vẫn thúc đẩy hoạt động sản xuất và bán hàng, đồng thời kiểm soát và phòng ngừa các ca nhiễm lây lan. Nhờ đó doanh thu và lợi nhuận quý IV của Công ty đã đạt được tăng trưởng, giúp kết quả kinh doanh cả năm vượt xa mục tiêu kế hoạch Công ty đã đề ra.

Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 204,214,403,609 đồng (12.3%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra tăng.

2. Giá vốn bán hàng tăng 165,279,006,969 đồng (15.8%) Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 38,935,396,640 đồng (6.3%).

3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 9,369,740,355 đồng (54.7%) do:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 6,489,113,429 đồng

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 2,880,626,926 đồng

4. Chi phí tài chính tăng 2,303,080,247 đồng (13.1%) trong đó:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 6,489,782,939 đồng

- Lãi tiền vay giảm 4,186,702,692 đồng

5. Chi phí bán hàng tăng 29,100,929,838 đồng (53.4%) do doanh thu hàng bán tăng lên, trong đó:

- Chi phí nhân công tăng: 125,973,668 đồng

- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng: 28,638,813,099 đồng

- Chi phí bán hàng khác tăng: 254,089,235 đồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 2,925,656,845 đồng, chủ yếu do chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác giảm.

Như vậy, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 15,725,990,025 đồng (2.9%) và Lợi nhuận sau thuế tăng 2,892,527,689 đồng (0.6%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính tăng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

Xin chân thành cảm ơn. *Ban*

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

